

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>218,443,230,698</b>	<b>220,276,510,045</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7,636,187,710</b>	<b>16,901,370,898</b>
1. Tiền	111		581,908,087	12,608,091,275
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,054,279,623	4,293,279,623
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>122,828,074,283</b>	<b>117,285,653,205</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	116,100,528,291	114,528,962,187
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	693,154,800	692,516,685
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6,901,484,457	2,931,267,598
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(867,093,265)	(867,093,265)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>29,744,049,492</b>	<b>25,325,857,889</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	29,744,049,492	25,325,857,889
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>58,234,919,213</b>	<b>60,763,628,053</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		77,173,330	136,167,787
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	88,826,057
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	58,157,745,883	60,538,634,209

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>30,742,352,101</b>	<b>32,677,491,403</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3,284,549,165</b>	<b>3,793,408,480</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	<b>3,284,549,165</b>	<b>3,793,408,480</b>
<i>Nguyên giá</i>	222		7,729,430,859	7,663,430,859
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4,444,881,694)	(3,870,022,379)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>4,132,737,778</b>	<b>5,342,185,186</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		12,094,473,923	12,094,473,923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(7,961,736,145)	(6,752,288,737)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23,291,400,000</b>	<b>23,291,400,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	22,213,400,000	22,213,400,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1,675,000,000	1,675,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(597,000,000)	(597,000,000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33,665,158</b>	<b>250,497,737</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33,665,158	50,497,737
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	200,000,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>249,185,582,799</b>	<b>252,954,001,448</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>170,581,419,448</b>	<b>170,874,579,445</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>170,581,419,448</b>	<b>170,456,179,445</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	59,797,266,269	46,038,411,677
2. Phải trả người bán	312	V.12	9,878,468,134	8,913,014,753
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	3,900,505,231	2,581,268,704
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	21,091,289,482	21,875,482,813
5. Phải trả người lao động	315		188,432,034	285,854,689
6. Chi phí phải trả	316	V.15	54,082,080,373	40,510,467,996
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	21,298,351,490	49,669,095,268
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	345,026,435	582,583,545
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>418,400,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	-	418,400,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>78,604,163,351</b>	<b>82,079,422,003</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>78,604,163,351</b>	<b>82,079,422,003</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	45,860,000,000	45,860,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,077,383,636	24,077,383,636
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,645,540,067	1,645,540,067
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,084,326,007	810,919,837
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5,936,913,641	9,685,578,463
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>249,185,582,799</b>	<b>252,954,001,448</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		48,24	48,24
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Lập ngày 11 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lương Quý Hằng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54,849,127,106	103,467,777,564	126,279,180,907	143,398,651,052
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54,849,127,106	103,467,777,564	126,279,180,907	143,398,651,052
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	52,421,164,474	92,420,675,546	115,481,549,697	126,276,915,090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,427,962,632	11,047,102,018	10,797,631,210	17,121,735,962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2,283,050,260	227,584,479	2,567,721,546	1,444,617,189
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	870,627,638	1,137,496,903	2,218,131,940	1,599,040,603
Trong đó: chi phí lãi vay	23		870,627,638	1,137,496,903	2,218,131,940	1,173,490,836
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	-	57,499,670	32,443,270	108,810,940
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	1,433,180,643	4,022,340,709	6,302,969,334	7,486,024,819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,407,204,611	6,057,349,215	4,811,808,212	9,372,476,789
11. Thu nhập khác	31		2,001	-	57,405,280	-
12. Chi phí khác	32		15,344,759	1,266,890,223	1,214,662,604	1,372,401,370
13. Lợi nhuận khác	40		(15,342,758)	(1,266,890,223)	(1,157,257,324)	(1,372,401,370)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,391,861,853	4,790,458,992	3,654,550,888	8,000,075,419



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CHỈ TIÊU**

Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
51		794,540,250	1,619,514,964	1,353,203,170	2,159,535,696
52		-	-	-	-
60		1,597,321,603	3,170,944,028	2,301,347,718	5,840,539,723
70		-	-	-	-

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thuởng

Lập ngày 11 tháng 02 năm 2015.

Tổng Giám đốc



Trương Quý Thăng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,654,550,888	8,000,075,419
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,784,306,723	1,920,469,856
- Các khoản dự phòng	03			1,183,906,391
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,727,272)	(1,164,090,000)
- Chi phí lãi vay	06		581,080,806	1,173,490,836
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6,017,211,145	11,113,852,502
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3,112,033,003)	(23,924,820,672)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,549,188,557)	8,543,185,049
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(19,985,656,293)	(2,901,861,690)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		75,827,036	(127,061,767)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(716,888,208)	(1,434,285,193)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(164,825,907)	1,330,238,951
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(106,811,265)	(830,427,951)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(22,542,365,052)</b>	<b>(8,231,180,771)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(66,000,000)	(2,181,872,728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,727,272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1,358,270,010
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(63,272,728)</b>	<b>(823,602,718)</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		67,587,299,517	91,426,897,306
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(54,246,844,925)	(63,365,877,629)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(3,058,218,344)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>13,340,454,592</i>	<i>25,002,801,333</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9,265,183,188)	15,948,017,844
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	16,901,370,898	953,353,054
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	7,636,187,710	16,901,370,898

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Lương Quý Thăng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẹ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, Thiết kế, tư vấn
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
  - Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
  - Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
  - Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
  - Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
  - Thảm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
  - Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 84 nhân viên đang làm việc.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3-5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3-5

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

##### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

#### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### **11. Nguồn vốn kinh doanh**

##### **- Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### **- Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### **Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### **Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

##### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **14. Hợp đồng xây dựng**

Các hợp đồng xây dựng Công ty thực hiện qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.368.562	483.084.954
Tiền gửi ngân hàng	572.539.525	12.125.006.321
Các khoản tương đương tiền	7.054.279.623	4.293.279.623
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	7.054.279.623	4.293.279.623
<b>Cộng</b>	<b><u>7.636.187.710</u></b>	<b><u>16.901.370.898</u></b>

##### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông và Bưu điện các tỉnh	5.660.435.992	10.516.874.215
Các Công ty, các Ban QLDA	108.590.171.452	101.716.889.460
Các khách hàng khác	1.849.920.847	2.295.198.512
<b>Cộng</b>	<b><u>116.100.528.291</u></b>	<b><u>114.528.962.187</u></b>

##### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CTGT 1 Hà Nội - Tiền đền bù hè đường	131.831.700	131.831.700
Công ty TNHH Thiên An	296.469.813	296.469.813
Công ty QL và SC đường bộ 472 - Tiền đền bù hè đường	61.638.000	61.638.000
Gold Litte Engineering Pte	42.694.400	42.694.400
CTCP Quản lý và Phát triển hạ tầng đô thị Vinh	37.000.000	37.000.000
Các đối tượng khác	123.520.887	122.882.772
<b>Cộng</b>	<b><u>693.154.800</u></b>	<b><u>692.516.685</u></b>

##### 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.592.901.823	25.174.710.220
Hàng hóa	151.147.669	151.147.669
<b>Cộng</b>	<b><u>29.744.049.492</u></b>	<b><u>25.325.857.889</u></b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	57.909.691.198	60.051.253.416
Tài sản thiếu chờ xử lý	35.244.272	35.244.272
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	212.810.413	452.136.521
<b>Cộng</b>	<b><u>58.157.745.883</u></b>	<b><u>60.538.634.209</u></b>

(\*) Chủ yếu là tạm ứng cho các đội thi công

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	2.377.216.593	4.651.785.922	167.086.372	467.341.972	7.663.430.859
Tăng do mua sắm mới	-	-	66.000.000	-	66.000.000
Giảm do nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối quý</b>	<b>2.377.216.593</b>	<b>4.651.785.922</b>	<b>233.086.372</b>	<b>467.341.972</b>	<b>7.729.430.859</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	793.622.507	2.441.971.528	167.086.372	467.341.972	3.870.022.379
Khấu hao trong kỳ	248.225.652	317.578.105	9.055.558	-	574.859.315
Giảm do nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối quý</b>	<b>1.041.848.159</b>	<b>2.759.549.633</b>	<b>176.141.930</b>	<b>467.341.972</b>	<b>4.444.881.694</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.583.594.086	2.209.814.394	-	-	3.793.408.480
<b>Số cuối quý</b>	<b>1.335.368.434</b>	<b>1.892.236.289</b>	<b>56.944.442</b>	<b>-</b>	<b>3.284.549.165</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Toàn bộ bất động sản đầu tư là các trạm BTS cho thuê.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	12.094.473.923	6.752.288.737	5.342.185.186
Tăng do trích khấu hao		1.209.447.408	
Giảm trong kỳ			(1.209.447.408)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.094.473.923</b>	<b>7.961.736.145</b>	<b>4.132.737.778</b>

**9. Đầu tư vào công ty con**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Cấp và thiết bị viễn thông	2.221.340	22.213.400	2.221.340	22.213.400.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017426 ngày 21 tháng 05 năm 2007 thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp và thiết bị viễn thông 22.213.400 VND, tương đương 55,53% vốn điều lệ.

**10. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
CTCP Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ	10.684	1.078.000.000	10.684	1.078.000.000
CTCP Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông	5.970	597.000.000	5.970	597.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.675.000.000</b>		<b>1.675.000.000</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	37.637.128.269	30.279.194.439
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	37.637.128.269	30.279.194.439
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	22.160.138.000	15.299.217.238
- Vay các cá nhân	22.160.138.000	15.299.217.238
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	460.000.000
<b>Cộng</b>	<b>59.797.266.269</b>	<b>46.038.411.677</b>

**12. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Xây dựng công nghiệp Toàn Phát	6.689.432.008	6.689.432.008
Công ty CP Thiết Kế XD và TM Hà Thành	-	133.752.051
Công ty TNHH Đại Phúc	1.064.684.164	1.064.684.164
Công ty CP Cấp và Thiết bị Viễn thông	-	311.025.000
Công ty TNHH Tập đoàn Minh Phúc	997.168.167	-
Công ty TNHH Xây lắp Điện nhẹ Viễn thông	698.868.100	-
Các đối tượng khác	428.315.695	714.121.530
<b>Cộng</b>	<b>9.878.468.134</b>	<b>8.913.014.753</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
BQL Dự án Tà Ngạn	238.000.000	238.000.000
Viễn thông Bình Định	78.475.839	84.930.799
Viễn thông Lâm Đồng	-	757.099.000
Thầu thiết kế XD Bình Lợi	-	643.436.100
Công ty Viễn thông VTN	-	388.292.277
Cục quản trị bộ công an	-	328.000.000
Công ty Điện thoại Hà Nội 2	292.067.545	-
TTDV Viễn thông KV III	450.638.552	-
Tổng cục hậu cần an ninh I	2.789.434.000	-
Các đối tượng khác	51.889.295	141.510.528
<b>Cộng</b>	<b><u>3.900.505.231</u></b>	<b><u>2.581.268.704</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	15.182.435.949	13.722.355.458	16.106.735.741	12.798.055.666
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	88.826.057	-	88.826.057	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.045.850.598	1.353.203.170	-	7.399.053.768
Thuế thu nhập cá nhân	558.370.209	335.809.839	-	894.180.048
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>21.875.482.813</u></b>	<b><u>15.420.368.467</u></b>	<b><u>16.204.561.798</u></b>	<b><u>21.091.289.482</u></b>

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	232.011.429	805.733.643
Chi phí các công trình xây lắp trích trước	53.850.068.944	39.704.734.353
<b>Cộng</b>	<b><u>54.082.080.373</u></b>	<b><u>40.510.467.996</u></b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	151.192.220	138.949.705
BHXH, BHYT, BHTN	575.210.241	370.452.925
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	46.035.316	151.981.656
Phải trả các cá nhân về tiền vay không tính lãi	551.253.000	551.253.000
Chi phí các công trình còn phải trả	19.560.957.165	48.087.641.311
Phải trả khác	413.703.548	368.816.671
<b>Cộng</b>	<b><u>21.298.351.490</u></b>	<b><u>49.669.095.268</u></b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	582.583.545
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	48.716.170
Chi quỹ trong năm	286.273.280
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>345.026.435</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Vay và nợ dài hạn**

Công ty huy động nguồn vốn vay trung và dài hạn của ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam nhằm mục đích mua xe ô tô Prado phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 14%/năm, được điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định là phương tiện vận tải.

Chi tiết phát sinh trong năm của các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối quý
Vay vốn BIDV	418.400.000	-	418.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>418.400.000</b>	<b>-</b>	<b>418.000.000</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	45.860.000.000	24.077.383.636	1.645.540.067	810.919.837	9.685.578.463	82.079.422.003
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	2.301.347.518	2.301.347.518
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	273.406.170	(546.812.340)	(273.406.170)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(5.503.200.000)	(5.503.200.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>45.860.000.000</b>	<b>24.077.383.636</b>	<b>1.645.540.067</b>	<b>1.084.326.007</b>	<b>5.936.913.641</b>	<b>78.604.163.351</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Thuê hoạt động**

- Hợp đồng thuê văn phòng số 12/HĐTĐ ngày 03/05/2013, thuê nhà LK 14, Ô 25-26 Khu ĐTM Văn Khê, phường La Khê quận Hà Đông, TP Hà Nội thời hạn thuê 04 năm từ ngày 01/05/2013 đến hết ngày 01/05/2017, kỳ hạn thanh toán 06 tháng/lần.

**Kế toán trưởng**



**Phạm Đức Thường**

Lập, ngày 11 tháng 02 năm 2015

**Tổng Giám đốc**



**Lương Quý Thăng**

